

Số: 1044/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 23 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 10 NĂM 2015

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10/2015 tăng 2,97% so với tháng trước, tăng 17,58% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,55%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 110,26% (do sản lượng điện tăng cao so với cùng kỳ); cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,58%; Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 1,78% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng đầu năm 2015 duy trì mức tăng trưởng khá, đạt 12,62% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức tăng cùng kỳ năm 2014 (7,96%). Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,04%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,64%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 3,38%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 6,72% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10/2015 đạt được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 230%; đá xây dựng tăng 22,12%; nước uống được tăng 16,41%; điện thương phẩm tăng 9,52%. Một số sản phẩm duy trì ở mức tăng ổn định như: Gạch xây tăng 4,8%; tinh bột sắn tăng 3,5%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 0,47%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite giảm 66,1%; ván ép giảm 18,71%; sẫm xe các loại giảm 17,22%; phân bón NPK giảm 15,64%; xi măng Portland đen giảm 11,49%; gỗ xẻ giảm 7,17%; lớp xe các loại giảm 5,11%; dầu nhựa thông không tăng, không giảm.

2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 10/2015 ước đạt 1708,33 tỷ đồng, tăng 0,63% so với tháng trước và tăng 6,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1482,66 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 7,36% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 105,18 tỷ đồng, giảm 21,57%; khu vực kinh tế cá

thể ước đạt 908,84 tỷ đồng, tăng 16,64%; kinh tế tư nhân ước đạt 468,57 tỷ đồng, tăng 0,21% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 225,67 tỷ đồng, tăng 1,55% so với tháng trước và tăng 0,92% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành, dịch vụ lưu trú ước đạt 6,06 tỷ đồng, tăng 6,13%; dịch vụ ăn uống ước đạt 157,52%, tăng 0,95%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 0,85 tỷ đồng, giảm 60,97%; dịch vụ khác ước đạt 60,24 tỷ đồng, tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 10 tháng đầu năm 2015 ước đạt 17399,39 tỷ đồng, tăng 6,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ ước đạt 15003,49 tỷ đồng, tăng 6,63%; doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 2395,9 tỷ đồng, tăng 4,93%.

2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:

2.2.1. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu tháng 10/2015 ước đạt 25,533 triệu USD, tăng 22,96% so với tháng trước và giảm 14,8% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung trong 10 tháng năm 2015, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá ước đạt 179,165 triệu USD, tăng 7,36% so với cùng kỳ năm trước¹. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 22,798 triệu USD, giảm 19,13%; kinh tế tư nhân ước đạt 148,186 triệu USD, tăng 15,12%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 8,181 triệu USD, giảm 17,91% so với cùng kỳ năm trước.

2.2.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2015 ước đạt 22,874 triệu USD, tăng 8,37% so với tháng trước và tăng 12,57% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung, tổng kim ngạch nhập khẩu trong 10 tháng năm 2015 ước đạt 160,595 triệu USD, tăng 3,35% so với cùng kỳ năm trước². Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 2,855 triệu USD, giảm 82,5%; kinh tế tư nhân ước đạt 153,501 triệu USD, tăng 15,36%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 4,239 triệu USD, giảm 29,54%.

3. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2015 giảm 0,08% so tháng trước, đây là tháng thứ bảy chỉ số giảm từ đầu năm đến nay. Nguyên nhân là do nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng có mức giảm sâu 0,71%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,2%; nhóm hàng giao thông giảm 0,01%. Ngoài nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,78% (do nhu cầu đổi với các mặt hàng quần áo, giày dép phục vụ cho thu, đông tăng); nhóm hàng thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,18%; nhóm hàng giáo dục và văn hóa giải trí cùng tăng 0,04%, thì các nhóm hàng còn lại không tăng, không giảm.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 năm 2015 giảm 1,56% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,16% so với thời điểm điểm tháng 12/2014.

¹ Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Gỗ ước đạt 59,74 triệu USD; hàng rau quả ước đạt 54,195 triệu USD; sản và các sản phẩm từ sản ước đạt 16 triệu USD; sản phẩm từ chất dẻo ước đạt 10,691 triệu USD; cà phê ước đạt 1,709 triệu USD...

² Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: Gỗ và các sản phẩm từ gỗ ước đạt 92,505 triệu USD; Sữa và các sản phẩm từ sữa ước đạt 55,517 triệu USD; hàng rau ước đạt 2,454 triệu USD; Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu ước đạt 1,711 triệu USD; cao su ước đạt 1,723 triệu USD...

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tham mưu tổ chức lấy ý kiến các Sở, ban, ngành đối với nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Triển khai Kế hoạch đầu thầu dự án lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị.
- Hỗ trợ nhà đầu tư chuẩn bị trình phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng cảng biển Mỹ Thủy; Nội dung cho buổi làm việc với các nhà đầu tư tại Hà Nội.
- Trình thẩm định chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển ngành công nghiệp và thương mại đến năm 2020; Hoàn chỉnh dự thảo Chương trình khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2020.
- Tổ chức khảo sát, điều tra khả năng áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp phục vụ triển khai Đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”; Chỉ đạo tổ chức nghiệm thu đề án khuyến công tỉnh.
- Rà soát tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng của các cụm công nghiệp trên địa bàn phục vụ lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 từ nguồn vốn trung ương; đăng ký vốn hỗ trợ đối với cụm công nghiệp Đông Á Từ năm 2016. Trình xin chủ trương điều chỉnh, mở rộng Cụm Công nghiệp Cam Tuyền, Cam Lộ và đang tham mưu trình thành lập cụm công nghiệp Hải Chánh huyện Hải Lăng.
- Phối hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư đăng ký vốn đầu tư dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị; Tổ chức chỉ định thầu tư vấn lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2025.
- Chủ trì tổ chức họp các ngành để thống nhất về chủ đầu tư dự án điện gió Hướng Linh 1; Tham dự mở thầu gói thầu tư vấn, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ.
- Tham mưu UBND tỉnh bổ sung quy hoạch thủy điện Hướng Phùng; Thông qua Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Khe Giông; Làm việc với Công ty Thủy Điện Quảng Trị về mở rộng diện tích lòng hồ dự án; Tham gia Đoàn Bộ Xây dựng kiểm tra Nhà máy thủy điện ĐaKrông 2.
- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất bố trí vốn đầu tư và phát triển chợ, nhất là chợ thuộc các xã thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới; Tổ chức khảo sát và họp bàn thống nhất địa điểm quy hoạch và đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế La Lay.
- Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn công tác hai nước Việt Nam – Lào về tình hình hoạt động thương mại biên giới của tỉnh.
- Chuẩn bị nội dung và tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị phổ biến Hội nhập kinh tế quốc tế.
- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tiếp tục triển khai khảo sát thực trạng ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn hưởng ứng Tuần lễ khuyến mại trực tuyến Quảng Trị 2015.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu mô hình tham mưu UBND tỉnh kiện toàn bộ máy Ban hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế tỉnh; Phối hợp với Viện Mekong thực hiện dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mekong”.

- Chuẩn bị nội dung làm việc với Ban nội chính Tỉnh ủy về công tác phòng chống tham nhũng; Phối hợp ngành điện lực ra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

- Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh Trưởng phòng Xuất nhập khẩu &HNKT.

- Ban hành Quy chế văn thư, lưu trữ của cơ quan Sở và làm việc với Đoàn kiểm tra văn thư lưu trữ tỉnh; Tổng hợp ý kiến đối với Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô; Quy chế làm việc của cơ quan Sở; Tổ chức nghiên cứu xây dựng dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở theo Thông tư 22/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương.

- Duy trì, cập nhật mở rộng các quy trình trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Sở; Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong 9 tháng đầu năm 2015; Khảo sát mức độ hài lòng trong việc cung cấp dịch vụ công của Sở.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch phổ biến, tuyên truyền về phòng, chống HIV/AIDS năm 2015; Thực hiện cập nhật dữ liệu lên Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương.

- Làm việc với Sở Tài Chính về dự toán kinh phí năm 2016; Giải ngân vốn quy hoạch, vốn xây dựng cơ bản, đề tài khoa học năm 0215.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 11 năm 2015

- Chuẩn bị làm việc với các doanh nghiệp trong ngành, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, khó khăn vướng mắc để tham mưu và đề xuất UBND tỉnh các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn; Tiếp tục chuẩn bị nội dung được phân công phục vụ tổ chức “Diễn đàn kinh tế Quảng Trị năm 2015 - Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây”.

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị; Đề xuất phương án ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị tư vấn đo đạc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 phục vụ quy hoạch phân khu chức năng khu Đông Nam Quảng Trị.

- Tổ chức lựa chọn tư vấn và thực hiện lập Quy hoạch phát triển điện lực hợp phần 1 tỉnh Quảng trị giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035; Đôn đốc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030.

- Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư khác vào Khu Đông Nam Quảng Trị; Tiếp tục

xúc tiến đầu tư, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; an toàn hóa chất và an toàn thực phẩm tại các doanh nghiệp.

- Triển khai đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”; Tiếp tục triển khai hướng dẫn hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức lấy ý kiến, hoàn chỉnh Chương trình khuyến công và Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2020 để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức quản lý giám sát thực hiện thi công xây lắp gói thầu hạng mục cấp điện xã Triệu Thượng thuộc dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị; Tổ chức lựa chọn tư vấn và thực hiện khảo sát thiết kế gói thầu thứ 2 thuộc Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Trị.

- Theo dõi kiểm tra an toàn hồ đập các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn trong mùa mưa bão; Tổ chức kiện toàn công tác bán lẻ điện khu vực chợ Đông Hà.

- Tổ chức hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện Nghị định 83/2014/NĐ – CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; Tổ chức quán triệt Chỉ thị 23/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 53/2012/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống.

- Làm việc với Ban quản lý các chợ về tình hình hoạt động và thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ của các Ban quản lý chợ trên địa bàn.

- Kiểm tra tình hình và công tác đấu tranh chống buôn lậu trên tuyến biên giới và khảo sát tình hình hoạt động thương mại biên giới; Kiểm tra tình hình và công tác đảm bảo hàng hóa phục vụ phòng chống thiên tai của ngành Công Thương năm 2015.

- Hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016 – 2020; Tiếp tục triển khai Đề án Khảo sát thực trạng ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức “Tuần lễ khuyến mại trực tuyến Quảng Trị 2015”; Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra hoạt động khuyến mại đối với một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh Chương trình Hội nhập Kinh tế quốc tế giai đoạn 2016 – 2020; Hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt Quyết định kiện toàn bộ máy Ban hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế tỉnh; Tổ chức Hội đàm đánh giá kết quả hợp tác giai đoạn 2013-2015 giữa Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị và Sở Công Thương tỉnh Savannakhet.

- Chuẩn bị nội dung kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn.

- Hoàn chỉnh và ban hành Quy chế làm việc của Sở; Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô của cơ quan Sở; Nghiên cứu sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan Sở. Tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở theo Thông tư 22/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương.

- Triển khai xây dựng Đề án tinh giản biên chế của Sở từ năm 2015 đến 2021; Triển khai tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính và nhóm đánh giá chất lượng nội bộ năm 2015.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 10 năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 11 năm 2015; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *vt*



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hung
Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: UBND tỉnh Quảng Trị;

Biểu số 01/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng



BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 10 năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	635.00	560.00	8022.00	1652.00	15323.00	88.19%	33.90%	52.35%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	910.00	474.00	3943.00	746.00	5139.00	52.09%	63.54%	76.73%
3	Đá xây dựng	1000 m ³	88.25	92.96	677.59	76.12	707.72	105.34%	122.12%	95.74%
4	Tinh bột sắn	Tấn	7923.00	8491.00	66342.00	8202.00	56025.00	107.17%	103.5%	118.41%
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng (Nước hoa quả cam táo)	1000 lít	828.00	850.00	8014.00	846.00	7223.00	102.66%	100.47%	110.95%
6	Gỗ xẻ	m ³	12950.00	12950.00	85185.00	13950.00	97098.00	100.00%	92.83%	87.73%
7	Ván ép (gỗ MDF)	m ³	5423.00	6000.00	63117.00	7381.00	65899.00	110.64%	81.29%	95.78%
8	Dầu nhựa thông	Tấn	153.00	140.00	1406.00	140.00	827.00	91.50%	100.00%	170.01%
9	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	704.00	600.00	6444.00	737.00	5000.00	85.23%	81.4%	128.88%
10	Phân bón NPK	Tấn	3475.00	3000.00	36784.00	3556.00	35166.00	86.33%	84.36%	104.60%
11	Lốp xe các loại	1000 cái	122.00	130.00	1104.00	137.00	1298.00	106.56%	94.89%	85.05%
12	Săm xe các loại	1000 cái	285.00	250.00	2731.00	302.00	2809.00	87.72%	82.78%	97.22%
13	Gạch xây	1000 viên	12650.00	13100.00	130405.00	12500.00	127810.00	103.56%	104.80%	102.03%
14	Xi măng Protland đen	Tấn	23457.00	22500.00	251008.00	25420.00	230943.00	95.92%	88.51%	108.69%
15	Điện sản xuất	Triệu Kwh	26.00	33.00	208.00	10.00	248.00	126.92%	330.00%	83.87%
16	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	45.00	46.00	406.00	42.00	384.00	102.22%	109.52%	105.73%
17	Nước uống được	1000 m ³	1042.00	1050.00	9420.00	902.00	8647.00	100.77%	116.41%	108.94%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2/1</i>	<i>7=2/4</i>	<i>8=3/5</i>
1	Kinh tế Nhà nước	"	0.145	0.2	2.855	3.0474	16.31	137.93%	6.56%	17.50%
2	Kinh tế tư nhân	"	20.261	22.366	153.501	16.737	133.06	110.39%	133.63%	115.36%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0.702	0.308	4.239	0.536	6.02	43.87%	57.46%	70.46%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 10/2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 9/2015		Tháng 10/2015			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 10/2015 so với tháng 10/2014
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 9 năm 2014	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 9/2015	So với tháng 10/2014	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	170.55	120.33	174.22	102.97	117.58	112.62
1. Công nghiệp khai khoáng	44.41	104.92	44.07	99.12	98.22	96.62
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	199.81	116.34	203.28	101.65	106.55	117.04
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	56.83	163.70	65.41	115.74	210.26	93.28
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	151.75	106.51	153.00	100.82	116.58	109.64



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)
Tháng 10 năm 2015

Nhóm hàng	Mã số	Kỳ gốc	Tháng trước	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Bình quân cùng kỳ
Chỉ số giá tiêu dùng	C	-	99.92	98.44	98.84	99.72
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1	-	99.80	96.98	96.76	99.27
II. Đồ uống, thuốc lá	2	-	100.00	103.09	102.97	102.68
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3	-	100.78	104.34	103.80	104.80
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	4	-	99.29	98.92	100.41	100.08
V. Thiết bị đồ dùng gia đình	5	-	100.18	101.42	101.26	101.59
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	6	-	100.00	100.05	100.00	100.36
VII. Giao thông	7	-	99.99	88.83	93.64	88.65
VIII. Hàng bưu chính viễn thông	8	-	100.00	99.14	98.78	98.88
IX. Giáo dục	9	-	100.04	100.48	100.48	103.32
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	10	-	100.04	100.84	100.78	100.89